TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 144/2024/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Chí Nguyện.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Nguyễn Hồng Nhung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30-5-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;

Mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 138/2024/TLST-HNGĐ ngày 17-5-2024, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 134/2024/QĐPH-ST ngày 22-5-2024, giữa các đương sự:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh L H A, sinh năm 1992. Hộ chiếu số ******** do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 11-5-2017. HKTT: Đ 4, xã H M, huyện Đ P, thành phố H N. Hiện ở: Số 103 S H, 3-4-9 M, M, G, N B.

- Chị L T Đ, sinh năm 1993. CCCD số ********** do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 02-7-2021. Nơi thường trú: Đ 4, H M, huyện Đ P, thành phố H N. Hiện ở: thôn T H, xã Q T, huyện Q X, tỉnh T H.

Anh H A có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; chị Đ có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Anh L H A và chị L T Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20-02-2015 tại Ủy ban nhân dân xã H M, huyện Đ P, Thành phố H N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống khoảng 1,5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 4-2017, vợ chồng ly thân, chị Đ về T H sống cùng bố mẹ đẻ. Cuối năm 2017, anh H A đi xuất khẩu lao động tại N B. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh chị đều nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Anh H A và chị Đ thống nhất trình bày có 01 con chung là cháu L P L, sinh ngày 08-12-2015. Hiện cháu L đang ở cùng chị Đ. Anh H A và chị Đ thống nhất giao cháu L cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí ly hôn: Chị L T Đ tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp:

Anh L H A có đơn xin giải quyết vắng mặt do đang ở nước ngoài, không thể về Việt Nam tham gia tố tụng tại Tòa án.

Chị L T Đ có mặt, giữ nguyên yêu cầu thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng: Yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự; người yêu cầu là anh L H A đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Quyền và nghĩa vụ các đương sự đã được đảm bảo trước và tại phiên họp.

Về nội dung: Nội dung các đương sự đã thống nhất thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

Về con chung: Hiện nay, con chung đang ở với chị Đ. Nội dung các đương sự đã thống nhất là phù hợp nên ghi nhận thỏa thuận của đương sự về việc giao con chung cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về án phí, lệ phí: Ghi nhận việc chị L T Đ tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Căn cứ ý kiến của các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ việc có đương sự là anh L H A đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết yêu cầu của các đương

sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người yêu cầu là anh L H A có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại N B . Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình cảm: Anh L H A và chị L T Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20-02-2015 tại Ủy ban nhân dân xã H M, huyện Đ P, thành phố H N nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Các đương sự đều xác nhận: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống nhưng phát sinh nhiều mâu thuẫn do khác biệt tính cách, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay, anh L H A đang sinh sống và làm việc tại N B còn chị Đ sinh sống và làm việc tại V N. Do khoảng cách địa lý, vợ chồng ít liên lạc, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh chị đều xác định: Vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, thì việc các đương sự thỏa thuận thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Anh L H A và chị L T Đ đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu L P L, sinh ngày 08-12-2015 hiện đang chung sống cùng chị Đ. Các đương sự thỏa thuận giao con chung cho chị L T Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H A cấp dưỡng nuôi con. Thỏa thuận của các đương sự không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh L H A và chị L T Đ đều xác định vợ chồng không có tài sản chung; không có nghĩa vụ chung về tài sản và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí ly hôn: Ghi nhận việc chị L T Đ tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 38, Điều 149; Điều 370, Điều 371 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quyết định:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh L H A và chị L T Đ. Anh L H A và chị L T Đ chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh L H A và chị L T Đ có 01 con chung là cháu L P L, sinh ngày 08-12-2015. Khi ly hôn, giao cháu L P L cho chị L T Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho anh L H A cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh L H A được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh L H A và chị L T Đ đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung vợ chồng cho các đương sự trong một vụ án khác (nếu có).

4. Về án phí, lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ghi nhận việc chị L T Đ tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tiền số ******* ngày 16-5-2024 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Ghi nhận chị L T Đ đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 30-5-2024./.

Nơi nhận:
- *VKSND TP.Hà Nội;*
- *Cục THADS TP.Hà Nội;*
- *UBND xã H M, h.Đ P, TP. H N;*
- *Người yêu cầu;*
- *Lưu.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hoàng Chí Nguyện